TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2022
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bình A, sinh năm 1995;

Địa chỉ thường trú: Xã D, huyện V, tỉnh T.

Địa chỉ tạm trú: Phường T, Quận B, Thành phố H (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Võ Hồng L, sinh năm 1990;
Địa chỉ thường trú: Tổ 01, Khu phố 3, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Phường T, Quận B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bình A trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà và ông Võ Hồng L qua thời gian tìm hiểu được 02 (Hai) năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2016 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, đăng ký ngày 30/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 (Hai) năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian bà A sinh con, bà ở nhà chăm sóc con

thì ông L thường xuyên cáu gắt, có những lời nói xúc phạm và có hành vi đe dọa đánh đập bà. Bà đã nhiều lần nói chuyện và khuyên ông L thay đổi nhưng không được. Từ năm 2019 đến nay, bà và ông L mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Hồng L.

Về con chung: Bà và ông L có 01 (Một) con chung, họ và tên Võ Nguyễn Minh T (Nữ), sinh ngày 05/9/2018.

Sau khi ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Võ Nguyễn Minh T, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Bà cam kết việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào và bà chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7.

Bà Nguyễn Thị Bình A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về phía bị đơn ông Võ Hồng L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Bình A yêu cầu được ly hôn với ông Võ Hồng L nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Võ

Hồng L cư trú tại Quận 7 nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Bình A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Võ Hồng L đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Võ Hồng L đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[4] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Bình A và ông Võ Hồng L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 91, đăng ký ngày 30/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp; vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4.2] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân của bà A và ông L chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, cả hai không còn tình cảm với nhau, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bình A là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 1274, đăng ký ngày 11/9/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cùng với lời trình bày của đương sự đủ cơ sở để khẳng định bà A và ông L có 01 (một) con chung: Võ Nguyễn Minh Như (Nữ), sinh ngày 05/9/2018.

Tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của bà A và kết quả xác minh của Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Bình Thuận, Quận 7 thể hiện trẻ Võ Nguyễn Minh Như đang sống với bà A, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên yêu cầu được nuôi con chung của bà A là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Nguyễn Thị Bình A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[4.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Bình A tự nguyện không yêu cầu ông Võ Hồng L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bình A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4.6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bình A xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bình A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bình A được ly hôn với ông Võ Hồng L (Giấy chứng nhận kết hôn số 91, đăng ký ngày 30/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp).

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bình A và ông Võ Hồng L có 01 (một) con chung: Võ Nguyễn Minh Như (Nữ), sinh ngày 05/9/2018.

Sau khi ly hôn, giao trẻ Võ Nguyễn Minh Như cho bà Nguyễn Thị Bình A được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Võ Hồng L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Hồng L có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Bình A phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0042426 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Bình A đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bình A và ông Võ Hồng L có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Thơm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Viết Bình